

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2025

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 178/2024/TLST - HNGĐ ngày 22/10/2024, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2025/QĐ-ST ngày 23/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/01/1994; CCCD số: 044094001963; nơi cư trú: Thôn L, xã S, tỉnh Quảng Trị (thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình cũ). Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày 22/5/1995, CCCD số: 044195010841; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã S, tỉnh Quảng Trị (thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình cũ); hiện có địa chỉ tại: Số H đường K, thành phố D, huyện Y, Đ, Đài Loan. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:** Anh C và chị Trần Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 20/10/2021. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng một năm thì anh C đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng thường xảy ra xích mích, mâu thuẫn. Anh Công nhận thấy vợ sống thiếu chung thủy, thường xuyên không về nhà và không quan tâm, lo lắng cuộc sống gia đình. Đến tháng 9/2022 thì chị T bỏ về nhà ngoại sống và vợ chồng ly thân từ đó cho

đến nay. Sau khi về nhà ngoại một thời gian thì chị T đi làm ăn ở nước ngoài, từ đó vợ chồng bỏ mặc không quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh C gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Hiện tại hai vợ chồng không có con chung và không có tài sản chung gì nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Trần Thị T:* Theo anh C cung cấp thì tại thời điểm anh C gửi đơn xin ly hôn chị T có địa chỉ tại: Số H đường K, thành phố D, huyện Y, Đ, Đài Loan. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan; đồng thời tiến hành thông báo trên Đ (V), gửi văn bản cho người thân, niêm yết văn bản tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị T, nhưng không nhận được thông tin gì từ chị Trần Thị T. Chị T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025, ông Trần Đức T1 (bố đẻ của chị Trần Thị T) trình bày:* Con gái ông là chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn đúng như anh C đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng C, T chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân thì ông T1 không rõ nhưng thấy anh C bỏ vào miền N làm ăn cho đến nay còn T làm công nhân may ở thành phố Đ một thời gian, đến tháng 02/2024 thì T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, địa chỉ cụ thể ông T1 không rõ. Ông T1 thừa nhận đã nhận được thông báo của Tòa án về việc anh C xin ly hôn chị T, ông T1 đã thông báo cho chị T biết việc anh C gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn chị T, và chị T nói là đã nhận được thông tin đó từ anh C. Việc ly hôn của C, T là người làm cha mẹ ông không mong muốn nhưng đó là quyết định của các con, ông không có ý kiến gì. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng C, T không có, ông T1 không có yêu cầu gì với Tòa án.

-*Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị T. Bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

-*Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C, xử cho anh C được ly hôn chị Trần Thị T; Về con chung, tài sản và nợ chung không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm; chi phí tố tụng và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã S, tỉnh Quảng Trị (thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình cũ). Tuy nhiên, đến ngày 14/3/2024 bị đơn chị Trần Thị T đã xuất cảnh ra nước ngoài (hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Do đây là vụ án có yếu tố nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trần Thị T theo địa chỉ của chị T ở Đài Loan do nguyên đơn cung cấp. Cụ thể, ngày 25/11/2024, Tòa án đã có văn bản số 212/CV-TAND gửi đến Văn phòng Đại diện Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ, Đài Loan đề nghị tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và thu thập ý kiến của chị T đối với yêu xin ly hôn của anh C; ngày 03/6/2025, Tòa án cũng đã có Công văn số 1392/TAND-CV gửi Ban Đ (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho chị Trần Thị T biết về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C xin ly hôn chị Trần Thị T (thông báo đầy đủ về thời gian, địa điểm giải quyết vụ án) và Đ (VOV5) đã đăng thông tin của Tòa án 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi nào của chị Trần Thị T. Tòa án cũng đồng thời tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị T theo địa chỉ tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh và tổng đạt văn bản tố tụng thông qua người thân của chị T, đã tiến hành xác minh và ghi ý kiến của Ông Trần Văn T2 (bố đẻ của chị T), Ông T2 thừa nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông tin cho chị T biết việc anh C đã gửi đơn xin ly hôn với chị T tại Tòa án. Ngày 23/7/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do chị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Trần Thị T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm:* Anh Nguyễn Văn C và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng trị). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2024, chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay mà không hề quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, anh C thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, nên anh C xin ly hôn chị Trần Thị T. Đối với chị T đã được anh C và người thân thông báo cho chị biết việc anh C xin ly hôn tại Tòa án, nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu

cầu của anh C, điều này chứng tỏ chị T cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để trở lại chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C để xử cho anh C được ly hôn với chị Trần Thị T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung, tài sản chung*: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác*:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài hết số tiền 674.179 đồng, và thực hiện việc thông báo cho chị T trên đài V0V5 hết số tiền 2.250.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là 2.924.179 đồng. Số tiền trên do nguyên đơn anh Nguyễn Văn C nộp cho các đơn vị có yêu cầu để thực hiện việc ủy thác tư pháp và đăng tin theo quy định. Trước Tòa anh C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 154; các Điều 227, 238, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Tòa án không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1 Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005090 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

3.2 *Chi phí tố tụng*: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện chịu 2.924.179 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 674.179 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền thông báo cho chị T trên đài V0V5). Số tiền này anh C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Sen Ngư, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ